TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/KDTM-ST
Ngày: 10- 7-2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng Logistics.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Tới.
Ông Bùi Văn Ơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2019/TLST - KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng Logistics" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên dịch vụ giao nhận K.
Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà K số 4x B Đ, phường x, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019 của Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên K tại Hà Nội).

Bà Đinh Thị N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ngõ x C B, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Bà Lê Thị Khánh L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tiểu khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người đại bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng T – Luật sư Công ty luật TNHH quốc tế H và đồng nghiệp. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần may xuất khẩu A. Địa chỉ trụ sở: Xóm N H2, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn bổ sung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo, phía nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, Công ty TNHH một thành viên dịch vụ giao nhận K (sau đây gọi tắt là Công ty K) có giao kết hợp đồng dịch vụ Logistics với Công ty Cổ phần may xuất khẩu A (sau đây gọi tắt là Công ty A). Khi giao kết hợp đồng Công ty A có tên là Công ty TNHH một thành viên may xuất khẩu T. Khi giao kết hợp đồng vì là bạn hàng quen nên hai bên không lập hợp đồng thành văn bản. Theo thỏa thuận thì Công ty K là bên nhận cung ứng dịch vụ; thực hiện công việc vận tải hàng hóa của Công ty A sang Hàn Quốc. Phía Công ty K đã thực hiện đầy đủ dịch vụ và giao trả hóa đơn thuế giá trị gia tăng cho Công ty A. Tuy nhiên, Công ty A chậm thanh toán giá dịch vụ cho Công ty K. Số tiền chậm thanh toán là 753.601.954 đồng. Hai bên đã có văn bản thông báo thanh toán nợ; Công ty K có công văn số 02/2018/TB-LJ, ngày 07/6/2018 yêu cầu công ty A trả nợ, cụ thể: Lần 1 ngày 15/6/2018 trả 100.000.000 đồng; lần 2 ngày 15/7/2018 trả 100.000.000 đồng; lần 3 ngày 15/8/2018 trả 150.000.000 đồng; lần 4 ngày 15/9/2018 trả 150.000.000 đồng và lần 5 ngày 15/10/2018 trả số tiền còn lại là 253.601.954 đồng. Công ty A có Thông báo số 02/CV-ATN, ngày 06/8/2018 với tư cách là Công ty A, trong đó nêu khó khăn của công ty và cam kết thanh toán nợ cho Công ty K làm 5 lần: Lần 1 ngày 06/8/2018 trả 20.000.000 đồng; lần 2 ngày 06/9/2018 trả 130.000.000 đồng; lần 3 ngày 06/10/2018 trả 150.000.000 đồng; lần 4 ngày 06/11/2018 trả 150.000.000 đồng; lần 5 ngày 06/12/2018 trả số tiền còn lại là 303.601.954 đồng. Tuy nhiên, công ty A chỉ thực hiện trả đợt 1 được 20.000.000 đồng, các đợt còn lại Công ty A không thực hiện. Do vậy, Công ty K khởi kiện với yêu cầu Công ty A thanh toán trả khoản tiền dịch vụ còn lại là 733.601.954 đồng và khoản tiền lãi do chậm trả là 60.714.635 đồng, tính theo mức lãi 10,5%/năm từ ngày 15 tháng 6 năm 2018 cho từng khoản đến nay. Tổng cộng cả gốc và lãi là 794.316.589 *(Bảy trăm chín mươi tư triệu, ba trăm mười sáu nghìn, năm trăm tám mươi chín)* đồng.

Phía đại diện bị đơn trình bày: trước đây khi giao kết hợp đồng với Công ty K thì do Công ty TNHH một thành viên may xuất khẩu T giao kết và do trực tiếp là ông Quế Tuấn A là giám đốc. Hiện nay ông Nguyễn Đức T làm giám đốc và Công ty đã chuyển thành Công ty cổ phần may xuất khẩu A còn ông Quế Tuấn A hiện nay đi đâu, làm gì ông T không biết. Do vậy, ông Nguyễn Đức T không nắm rõ khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, ông T không phủ nhận khoản nợ nhưng để ông bàn bạc với các cổ đông khác về việc thanh toán nợ.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T không đưa ra được bản thỏa thuận với các cổ đông công ty. Bản thân ông T có được làm việc với Tòa án, có tham gia công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không ký các biên bản.

Tòa án đã tiến hành hòa giải những không được, do vậy vụ án được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định mức lãi suất quá hạn bình quân của ba chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Hòa Bình là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (mức lãi quá hạn của khoản vay trung hạn là 16,5%/năm), ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (mức lãi 17,25%/năm), ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt (mức lãi 15,3%/năm); mức lãi bình quân là 16,35%/năm.

Diễn biến tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc Công ty A thanh toán trả cho Công ty K các khoản chi phí dịch vụ logistics 733.601.954 đồng và lãi chậm trả được tính lại theo văn bản trả lời thanh toán nợ của bị đơn từ tháng 8 năm 2018 là 52.283.119 đồng, cụ thể: Từ ngày 06/9/2018 đến 06/10/2018 lãi trên nợ gốc 130.000.000 đồng là 1.137.500 đồng; từ ngày 06/10/2018 đến 06/11/2018 lãi trên nợ gốc 280.000.000 đồng là 2.450.000 đồng; từ ngày 06/11/2018 đến 06/12/2018 lãi trên nợ gốc 430.000.000 đồng là 3.762.500 đồng; từ ngày 06/12/2018 đến 06/7/2019 lãi trên nợ gốc 733.601.954 đồng là 44.933.119 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 785.885.073*(Bảy trăm tám lăm triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm bảy ba)* đồng.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, giải quyết vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng thỏa thuận phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận Logictics, phía bị đơn đã nhận các hóa đơn thuế giá trị gia tăng, đã có thông báo nhận nợ và cam kết trả nợ nhưng không thực hiện. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng Logictics, các bên đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp. Bị đơn có trụ sở tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không có đại diện theo ủy quyền, đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt nên

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo pháp luật của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Năm 2017 giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ Logictics. Tuy thỏa thuận không lập thành văn bản nhưng các bên là bạn hàng của nhau; đã từng thực hiện các thỏa thuận thương mại trước đó nên được coi là thói quen thương mại theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thương mại 2005 về hình thức hợp đồng dịch vụ. Theo thỏa thuận giữa hai bên thì bên nguyên đơn thực hiện dịch vụ là vận tải hàng hóa cho bị đơn. Việc thực hiện nghĩa vụ của nguyên đơn đã xong thể hiện bằng việc bên nguyên đơn đã giao trả cho phía bị đơn các hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 0009311, 0009312 ngày 30/9/2017 và số 0010320, 0010322 ngày 21/12/2017. Bên bị đơn cũng đã có văn bản thỏa thuận về việc trả nợ làm 5 đợt. Văn bản trả lời về việc trả nợ của phía bị đơn với tư cách là Công ty A, dấu tại thời điểm trả lời việc trả nợ là dấu mang tư cách pháp nhân Công ty A. Do vậy, mặc dù khi giao kết hợp đồng bên bị đơn là Công ty TNHH một thành viên may xuất khẩu T nhưng khi trả nợ bị đơn là Công ty cổ phần may xuất khẩu A thì công ty A mặc nhiên là công ty thừa kế nghĩa vụ của Công ty TNHH một thành viên may xuất khẩu T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc thanh toán nợ giá dịch vụ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 6 Điều 236 Luật Thương mại 2005; bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí dịch vụ theo yêu cầu của nguyên đơn là 733.601.954 đồng.

[3] *Về lãi suất:* Theo yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi chậm trả với mức lãi là 10,5%/năm, tính từng khoản từ thời điểm bị đơn chậm trả là ngày 06/8/2018 đến 06/7/2019 là 52.283.119 đồng. Hội đồng xét xử xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại 2005; mức lãi suất yêu cầu không vượt quá mức lãi suất trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng thương mại có trụ sở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, cách tính lãi phù hợp thời gian chậm trả của từng khoản. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 275, 280 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 233, điểm a khoản 1 Điều 235, khoản 6 Điều 236 và Điều 306 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên dịch vụ giao nhận K đối với bị đơn là Công ty Cổ phần may xuất khẩu A; buộc Công ty Cổ phần may xuất khẩu A có nghĩa vụ thanh toán trả phí dịch vụ Logistics cho Công ty TNHH một thành viên dịch vụ giao nhận K số tiền là 733.601.954 đồng và khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 52.283.119 đồng. Tổng cộng là 785.885.073*(Bảy trăm tám lăm triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm bảy ba)* đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ben phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí: Công ty Cổ phần may xuất khẩu A phải chịu 35.435.402 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH một thành viên dịch vụ giao nhận K được nhận lại 17.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000704 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn